TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 315/2026/HSST
Ngày: 04 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đình Thức
2/ Ông Hồ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trung Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1), xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 187/2026/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 400/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Tăng Văn Ú; sinh ngày: 01/01/1996; tại: tỉnh Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau); chỗ ở: 452/29 Tỉnh Lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông: Tăng Quốc O, sinh năm: Chưa rõ và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Bùi Tuấn A; sinh ngày: 27/5/2001; tại: tỉnh Tiền Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông: Bùi Văn K, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Minh C; sinh ngày: 17/02/1994; tại: tỉnh Bến Tre; hộ khẩu thường trú: 373/GC ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 23/4/2025, Tăng Văn Ú ngồi nhậu cùng Bùi Tuấn A tại phòng số 2, nhà số D Tỉnh Lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thì Tuấn A rủ Ú sử dụng ma túy, Ú đồng ý nhưng do Ú không có tiền nên Tuấn A ứng trước 500.000 đồng để Ú đi mua ma túy. Sau đó, Ú mượn xe máy của Tuấn A đến gặp Nguyễn Minh C để nhờ C đi mua giúp 500.000 đồng ma túy. Sau đó, C điện thoại cho đối tượng tên T1 (chưa rõ lai lịch) và C góp thêm 100.000 đồng để mua ma túy thì T1 hẹn giao ma túy tại địa chỉ 482 Tỉnh Lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. T1 điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh (không rõ biển số) đến đưa gói ma túy cho C. Sau khi lấy ma túy Chánh đi đến nhà trọ của Ú, đưa gói ma túy cho Tuấn A rồi Tuấn A đi ra xe lấy hộp thuốc lá bên trong có 01 nắp chai nhựa được đục 02 lỗ, 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa, Tuấn A đổ vào nỏ thủy tinh còn Chánh gắn ống hút vào nắp chai nhựa để tạo thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi Tuấn A cho ma túy vào nỏ thủy tinh dùng bật lửa đốt để nung chảy ma túy đưa cho Ú hút, tiếp đó Tuấn A tự sử dụng ma túy. Tuấn A tiếp tục cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy dùng bật lửa đốt ma túy đưa cho C sử dụng, cả ba thay phiên nhau sử dụng hết ma túy. Tuấn A tháo bộ dụng cụ, bỏ chai nhựa vào thùng rác còn nỏ thủy tinh, nắp chai nhựa và ống hút nhựa thì cất vào hộp thuốc lá mang về phòng trọ cất giấu. Đến khoảng 20 giờ 10 phút ngày 25/4/2025, Tổ tuần tra Đội 2, Phòng C1 Công an Thành phố H phát hiện Tăng Văn Ú có biểu hiện nghi vấn nên đưa về trụ sở làm việc. Tiếp tục truy xét, Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của Bùi Tuấn A, Nguyễn Minh C thừa nhận hành vi sử dụng ma túy chung với Tăng Văn Ú.

Ngoài ra, Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C khai nhận khoảng 10 ngày trước đó, Ú cùng Tuấn A có tổ chức sử dụng ma túy chung tại phòng trọ của Ú tại số D Tỉnh Lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau: Tuấn A đưa 300.000 đồng cho Ú để mua ma túy, Ú nhờ C đi mua ma túy. Chánh gọi điện liên lạc với đối tượng tên T1 đặt mua 300.000 đồng ma túy và nỏ thủy tinh. Đối tượng T1 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh (không rõ biển số) đến trước địa chỉ 482/2 Tỉnh Lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh giao ma túy và nỏ thủy tinh cho C. Mua được ma túy và nỏ thủy tinh, Chánh mang đến phòng trọ số 2 nhà trọ số 482/29 Tỉnh Lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh đưa cho Ú rồi đi về, không sử dụng chung với Tuấn A và Ú. Khi sử dụng xong ma túy Tuấn A có xin Út nỏ thủy tinh để cất giữ nhằm lần sau sử dụng.

Kết luận giám định số 5864/KL-KTHS ngày 03/5/2025 của Phòng C1 Công an Thành phố H kết luận: Chất được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu mục II.1) không xác định khối lượng, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết.

Tại bản Cáo trạng số 218/CT-VKS-KV9 ngày 15 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt:

Bị cáo Tăng Văn Ú từ 08 năm đến 09 năm tù.

Bị cáo Bùi Tuấn A từ 08 năm đến 09 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Minh C từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng.

- Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 23/4/2025, Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C đã có hành vi góp tiền mua ma túy và chuẩn bị dụng cụ để cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 2, nhà số D Tỉnh Lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó thì bị phát hiện bắt giữ.

Vì vậy, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Trong một lần các bị cáo tổ chức đối với 02 người sử dụng trái phép chất ma túy nên Cáo trạng truy tố các bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý, sử dụng độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng các bị cáo nhất thời phạm tội không có sự phân công, bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên đồng phạm mang tính giản đơn.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về hình phạt bổ sung. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 ống thủy tinh có đầu tròn có màu xám đen, xám khói bên trong có chứa tinh thể còn nguyên vẹn; 01 nắp chai nhựa màu xanh được đục 02 lỗ; 01 ống hút nhựa; 01 bật lửa màu vàng. Là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia loại SO-01, số Imel 355947100587966, có số thuê bao 0977358053 thu giữ của bị cáo Bùi Tuấn A và 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy A04 màu xanh, số Imel 1: 351040499646272, số Imel 2: 351040499646277 thu giữ của bị cáo Tăng Văn Ú. Là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Ú và bị cáo Tuấn A theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 điện thoại hiệu Realme 6 màu trắng, số Imel 1: 862486045920590, số Imel 2: 862486045920582 thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh C, bị cáo C sử dụng làm phương tiện liên lạc để mua ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Những vấn đề khác:

- Đối với chủ nhà trọ số 452/39 Tỉnh Lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh không biết các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ nên không có cơ sở xử lý.

- Đối với đối tượng tên T1 là người bán ma túy cho bị cáo C, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa có cơ sở xử lý, khi nào điều tra, làm rõ xử lý sau.

- Đối với lời khai nhận của các bị cáo Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy một lần trước đó nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm cũng như không thu giữ được vật chứng và ma túy tại nhà trọ số D đường T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài lời khai của các bị cáo không còn chứng cứ nào khác nên Viện kiểm sát không truy tố. Ngày 21/4/2026, Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để xem xét xử lý các bị cáo về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng Viện kiểm sát vẫn bảo lưu quan điểm.

[12] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Tăng Văn Ú 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2025.

[2] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn A 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2025.

[3] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2025.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống thủy tinh có đầu tròn có màu xám đen xám khói bên trong có chứa tinh thể còn nguyên vẹn; 01 (một) nắp chai nhựa màu xanh được đục 02 lỗ; 01 (một) ống hút nhựa; 01 (một) bật lửa màu vàng.

- Trả cho bị cáo Bùi Tuấn A 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony Xperia loại SO-01, số I 355947100587966, có số thuê bao 0977358053 và Trả cho bị cáo Tăng Văn Ú 01 (một) điện thoại hiệu Samsung Galaxy A04 màu xanh, số Imel 1: 351040499646272, số Imel 2: 351040499646277.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại hiệu Realme 6 màu trắng, số Imel 1: 862486045920590, số Imel 2: 862486045920582 thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh C.

(Vật chứng theo Lệnh nhập kho vật chứng số B1078/LNK-CSMT ngày 18/5/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H)

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo Tăng Văn Ú, Bùi Tuấn A và Nguyễn Minh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[8] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 9 - TP.Hồ Chí Minh;
- THA.DS TP.Hồ Chí Minh;
- Công an TP.Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Hoàng Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**